

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày: 17- 5- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Tố Loan
2/ Ông Đinh Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trực, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2023/HSST ngày 04/4/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX ST-HS ngày 04/5/2023 đối với bị cáo:

Lê Thị Kim T, sinh năm 1979, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ 23, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12. Con ông Lê Đình T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1953 (chết). Chồng Đặng Ngọc Anh S, sinh năm 1977 (đã ly hôn). Bị cáo có 07 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án : 02

+ Ngày 23/9/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ.

+ Ngày 23/4/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ.

Tiền sự: 00

Bị cáo Lê Thị Kim T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Cao Thị H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp 1, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Phan Huy H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ 4, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2) Trần Thị Kim D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: tổ 20, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3) Cao Thị L, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp 1, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Kim T là đối tượng đã nhiều lần bị xét xử về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đang được hoãn T hành án do nuôi con dưới 36 tháng tuổi, lại tiếp tục phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 14/11/2022, T điều khiển xe mô tô Vision biển số 60B2-828.87 đến chợ B thuộc ấp 1, xã B, thành phố L để mua rau. T để xe gần cổng chợ rồi đi bộ đến sạp rau của chị Cao Thị H, sinh năm 1984, ngụ ấp 1, xã B, thành phố L. Tại đây, T nhìn thấy bên cạnh cái cân trên sạp rau có 01 điện thoại Oppo Reno7 Z của chị H. Lúc này chị H đi vệ sinh, còn bà Cao Thị L, sinh năm 1959 (mẹ ruột chị H) đang bán rau cho khách. T mua rau xong thì bước đến đứng ở bên phải bà L để lựa rau tiếp, mục đích là tiếp cận vị trí đặt điện thoại. Lợi dụng bà L không để ý nên T đã lén lút dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần để cất giấu. Sau đó, T lấy xe chạy đến cửa hàng điện thoại Huy Hiệp tại số 257 H, khu phố 4, phường X, thành phố L do anh Phan Huy H, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ 4, ấp B, xã B, thành phố L làm chủ bán với giá 3.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Khi phát hiện mất điện thoại, chị Hiền đã trình báo Công an xã B và cung cấp 01 đoạn video camera quan sát tại sạp rau. Đến ngày 19/11/2022, Công an mời T về làm việc, T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và chủ động chuộc lại điện thoại giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106/HĐĐGTTTHS ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Long Khánh kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z5G đã qua sử dụng (thời điểm ngày 14/11/2022), có giá trị 5.100.000 đồng (Năm triệu, một trăm ngàn đồng).

* Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z.

+ 01 đoạn video clip camera an ninh ghi hình bị can điều khiển xe mô tô đến chợ Bình Lộc và đi vào sạp rau của chị Hiền để trộm cắp do chị Hiền giao nộp.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Vision màu xanh đen, biển số 60B2-828.87.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 53/CT-VKS-HS ngày 24/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim T

phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1, Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Kim T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Về vật chứng và xử lý vật chứng :

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Cao Thị H.

+ 01 đoạn video clip camera an ninh ghi hình bị can điều khiển xe mô tô đến chợ Bình Lộc và đi vào sạp rau của chị Hiền để trộm cắp do chị Hiền giao nộp được lưu trong 01 đĩa DVD, lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Vision màu xanh đen, biển số 60B2-828.87. Qua xác minh, chiếc xe trên do chị Trần Thị Kim D, sinh năm 1988, ngụ khu phố R, phường B, thành phố L (chị chồng của T) đứng tên chủ sở hữu. Chị D cho T mượn xe để đi chợ và không biết T sử dụng vào việc phạm tội. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại cho chị D.

Đối với anh Phan Huy H khi mua điện thoại của bị cáo T, anh H không biết điện thoại do T phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp

với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 09 giờ ngày 14/11/2022, tại sạp rau của chị Cao Thị H tại chợ Bình Lộc thuộc ấp 1, xã B, thành phố L, lợi dụng lúc chị Hiền lơ là trong việc trông coi tài sản, bị cáo Lê Thị Kim T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z, có giá trị 5.100.000 đồng (Năm triệu, một trăm ngàn đồng). Do bị cáo T có 02 tiền án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, đủ cơ sở khẳng định bị cáo Lê Thị Kim T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có khả năng lao động và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng lòng tham lam, không muốn lao động mà vẫn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đang có 02 tiền án về hành vi “trộm cắp tài sản” chưa được thi hành nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải có một hình phạt nghiêm để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, rèn luyện, cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng bị cáo còn có nhân thân xấu, bị cáo đang có 02 tiền án về hành vi “trộm cắp tài sản” chưa được thi hành nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối hận về hành vi vi phạm của mình, tự nguyện khắc phục hậu quả, tài sản trộm cắp đã được trả lại cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s,b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác.

[5] Về quyết định hình phạt:

Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno7 Z. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Cao Thị H.

+ 01 đoạn video clip camera an ninh ghi hình bị can điều khiển xe mô tô đến chợ Bình Lộc và đi vào sạp rau của chị H để trộm cắp do chị H giao nộp được lưu trong 01 đĩa DVD, lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Vision màu xanh đen, biển số 60B2-828.87. Qua xác minh, chiếc xe trên do chị Trần Thị Kim D, sinh năm 1988, ngụ khu phố R, phường B, thành phố L (chị chồng của T) đứng tên chủ sở hữu. Chị D cho T mượn xe để đi chợ và không biết T sử dụng vào việc phạm tội. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại cho chị D.

Đối với anh Phan Huy H khi mua điện thoại của bị cáo T, anh Hảo không biết điện thoại do T phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý nên không xét.

* Về bồi thường dân sự: Chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim T 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 34/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh), tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo Lê Thị Kim T phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị cáo Lê Thị Kim T đã bị tạm giam từ ngày 09/4/2015 đến ngày 11/6/2015.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Kim T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện

kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Công an TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Lê Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

Đinh Văn Thông

Lê Thị Hoa

